Phụ lục 24
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ HÒA ĐIỀN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 5, 6, 7, 9, 12, 16, 17, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 29, 30 Phụ lục 24 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL24 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Quốc lộ 80		
		- Từ giáp ranh xã Bình Giang - Cầu Cái Tre	840	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ giáp ranh xã Bình Giang - giáp ranh xã Kiên Lương (cống Ba Cu))
2	9	Đường bê tông Kênh T3 (bờ Tây - từ kênh Rạch Giá – Hà Tiên đến Kênh 13, giáp ranh xã Vĩnh Điều)	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường bê tông Kênh T3 - Kênh 13 (đoạn từ bến đò đầu xáng đến giáp ranh xã Vĩnh Điều))
3	12	Đường Kênh T3 (bờ Đông - từ kênh Rạch Giá – Hà Tiên đến Kênh 15, giáp ranh xã Vĩnh Điều)	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường ĐH.13 (đường Kênh T3, từ đầu xáng - Giáp ranh xã Giang Thành))

TT	Số TT PL24 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	16	Đường kênh 15 (đoạn T3-T5)	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh 15 (đoạn T3-T4))
5	21	Đường Kênh T2-1 (từ kênh Rạch Giá – Hà Tiên đến đường đê bao đồng hòa)	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh T2-1)
6	22	Đường kênh Đê Bao Đồng Hòa (từ đường đường T2-1 đến đường Nông trường)	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường kênh Đê Bao)
7	24	Đường tuyến tránh Kiên Lương		Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tuyến chánh Kiên Lương)
		- Từ QL 80 đến Kênh 1000	2.700	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ QL 80 đến Kênh 100
		- Từ Kênh 1000 đến giáp ranh xã Kiên Lương	2.500	Sửa tên đường (Tên cũ: Từ Kênh 100 đến giáp ranh phường Hà Tiên)
8	26	Đường TĐ1: Đoạn từ kênh Cái Tre đến Kênh Lẩu Mắm	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường TD1: Đoạn từ kênh Cái Tre đến Kênh Lẩu Mắm)
9	27	Đường kênh Cống Tre mới: Từ xã Kiên Lương đến cuối đường	500	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh cống tre mới: Từ xã Kiên Lương đến QL80)
10	28	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	360	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)

TT	Số TT PL24 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
11	29	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	240	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	1	Quốc lộ 80		
		- Từ Cầu Cái Tre - giáp ranh xã Kiên Lương (cống Ba Cu)	2.600	Bổ sung
2	17	Đường kênh Thời Trang	360	
		- Từ kênh Rạch Giá-Hà Tiên đến kênh 2700	360	Bổ sung
		- Từ Kênh 9 đến kênh 15	500	Bổ sung
3	23	Đường kênh 2700	500	
		- Từ kênh T3 - Kênh Thời Trang	500	Bổ sung
		- Từ kênh T3 – đường T2-1	500	Bổ sung
4		Đường Kênh Lung Lớn 1 (bờ Tây): từ Đường Kênh Lung Lớn 2 đến ranh xã Kiên Lương	500	Bổ sung
5		Đường Kênh TĐ 2 (bờ Bắc): từ Đường Tuyến Dân Cư Cái Tre đến kênh Lung Lớn I	480	Bổ sung

TT	Số TT PL24 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6		Đường Kênh TĐ 3 (bờ Nam): từ Đường Tuyến Dân Cư Cái Tre đến kênh Lung Lớn I	480	Bổ sung
7		Đường Kênh TĐ 4 (bờ Nam): từ Đường Tuyến Dân Cư Cái Tre đến kênh Lung Lớn I	480	Bổ sung
8		Đường Kênh TĐ 5 (bờ Bắc): từ Đường Tuyến Dân Cư Cái Tre đến kênh Lung Lớn I	480	Bổ sung
9		Đường kênh Chùa (xã Kiên Bình cũ): từ ranh xã Kiên Lương đến kênh Cái Tre	480	Bổ sung
10		Đường kênh Tám Thước	600	Bổ sung
11		Đường Kênh C	480	Bổ sung
12		Đường kênh Ranh Kiên Tài (giáp xã Vĩnh Điều): từ Kênh 9 đến Kênh 13	480	Bổ sung
13		Đường Kênh 6 (cũ): Từ đường đê bao Đồng Hòa đến đường Kênh 9	480	Bổ sung
14		Đường Kênh 1: từ kênh Rạch Giá - Hà Tiên đến Kênh 1300	500	Bổ sung
15		Đường Kênh 1.300: từ Kênh T3 đến Kênh 1	500	Bổ sung
16		Đường Kênh 5: từ kênh T3 đến đường T2-1	500	Bổ sung

TT	Số TT PL24 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
17		Đường Kênh 13: từ kênh T3 đến ranh xã Vĩnh Điều	500	Bổ sung
18		Đường Lò muối - giáp kênh Ba Hòn (bờ Tây): Từ kênh Rạch Giá – Hà Tiên đến ranh xã Kiên Lương	500	Bổ sung
19		Đường kênh Gia Lạc: từ Tỉnh lộ ĐT 972-B đến Nhà máy Vicem	360	Bổ sung
20		Đường kênh Đường Chùa (xã Hòa Điền cũ): từ Tỉnh lộ ĐT 972-B đến Nhà máy Vicem	360	Bổ sung
21		Đường Xóm mới: từ Tỉnh lộ ĐT 972-B đến kênh 1000 (giáp ranh phường Tô Châu)	360	Bổ sung
22		Đường núi Ông	360	Bổ sung

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL24 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1		Xã Hòa Điền: Đất nông nghiệp còn lại		Sửa tên đường (Tên cũ: Xã Hòa Điền (Xã Hoà Điền và Kiên Bình cũ))
II	**BỔ SUNG**			
1		Xã Hòa Điền: Giáp Quốc lộ 80 đến kênh Tạo nguồn - TĐ1		Bổ sung
a		Đất trồng cây lâu năm	93	Bổ sung
b		Đất trồng cây hàng năm	87	Bổ sung
c		Đất nuôi trồng thủy sản	78	Bổ sung
d		Đất rừng sản xuất	60	Bổ sung